

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 406/QĐ-HVTC ngày 14/4/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	KINH DOANH QUỐC TẾ (Tên Tiếng Anh: International Business)
- MÃ NGÀNH:	7340120
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	KINH DOANH QUỐC TẾ (Tên Tiếng Anh: International Business)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	15.01QT
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Kinh doanh Quốc tế định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), ngành Kinh doanh Quốc tế trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hội nhập quốc tế; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên môn về Kinh doanh Quốc tế và kiến thức chuyên sâu định hướng chứng chỉ quốc tế để mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên-xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; kiến thức về kinh tế, kinh doanh, tài chính, kế toán; kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và được trang bị các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; tự chủ, trách nhiệm; khả năng tự học, tự nghiên cứu và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT), Tiếng Anh nâng cao để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về GDQP&AN, GDTC để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh doanh, kinh tế, tài chính, kế toán, để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của lĩnh vực kinh doanh trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Kinh doanh quốc tế và các ngành liên quan khác như Tài chính – Ngân hàng, Marketing, Kế toán,... để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Kinh doanh Quốc tế.

- Có kiến thức chuyên môn cụ thể khác về các lĩnh vực như quản trị, tài chính, kinh doanh, kế toán, kiểm toán theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Hiệp hội ICAEW (Institute of Chartered Accountants in England and Wales) hỗ trợ Kinh doanh quốc tế để người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia toàn cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực Kinh doanh quốc tế như kinh doanh vốn quốc tế, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ quốc tế, kinh doanh ngoại hối, phân tích dữ liệu kinh doanh quốc tế, quản trị chiến lược kinh doanh quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị nguồn nhân lực quốc tế, quản trị marketing, quản trị rủi ro kinh doanh quốc tế...

- Có kiến thức chuyên sâu về Kinh doanh quốc tế để thực hiện công việc chuyên môn; quản trị, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu, khởi sự kinh doanh.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và lĩnh vực hỗ trợ khác. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong ngành kinh doanh quốc tế

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, nhóm, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn ở các lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và các lĩnh vực khác như Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng, kế toán, kiểm toán... ở trong và ngoài nước.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Kinh doanh quốc tế theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Học viện Tài chính được trang bị kiến thức về kinh doanh, tài chính, kế toán, kiểm toán theo định hướng chứng chỉ ICAEW CFAB nên ngoài lĩnh vực kinh doanh quốc tế, còn có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc chuyên môn trong các lĩnh vực khác đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán tại các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân; các vị trí việc làm trong nước, công ty đa quốc gia và tổ chức quốc tế; cụ thể:

2.4.1. Các vị trí việc làm trong khu vực tư nhân

a. Vị trí chuyên viên

- *Chuyên viên kinh doanh quốc tế:* Chịu trách nhiệm phát triển và mở rộng thị trường nước ngoài, xây dựng và duy trì mối quan hệ với khách hàng và đối tác quốc tế, đàm phán hợp đồng và đảm bảo doanh số bán hàng cho doanh nghiệp ở quy mô toàn cầu.

- *Chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu:* Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động chuyên môn liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, đảm bảo giao dịch hàng hóa được thực hiện đúng quy trình và tuân thủ các quy định pháp luật trong và ngoài nước.

- *Chuyên viên thu mua quốc tế:* Làm việc với nhà cung cấp nước ngoài để nhập khẩu nguyên vật liệu hoặc sản phẩm.

- *Chuyên viên Logistics và chuỗi cung ứng:* Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ quá trình vận chuyển, lưu trữ và phân phối hàng hóa, đảm bảo chuỗi cung ứng hoạt động trơn tru, tiết kiệm chi phí và đáp ứng đúng tiến độ.

- *Chuyên viên Phân tích kinh doanh quốc tế:* Chịu trách nhiệm thu thập, đánh giá và phân tích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- *Chuyên viên nghiên cứu thị trường*: Thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu về thị trường, đối thủ cạnh tranh và hành vi khách hàng. Từ đó, cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định chiến lược về sản phẩm, giá cả, kênh phân phối và chiến lược marketing.

- *Chuyên viên marketing*: Xây dựng, quảng bá thương hiệu, nghiên cứu sản phẩm, phát triển sản phẩm, định hướng, phát triển chiến dịch marketing...

- *Chuyên viên quản trị rủi ro kinh doanh*: Phân tích, dự báo, tư vấn, sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro và xử lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế.

- *Chuyên viên hoạch định tài chính quốc tế*: Tư vấn, quản lý, giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp gắn với các hoạt động kinh doanh quốc tế.

- *Chuyên viên tư vấn viên đầu tư quốc tế*: Phân tích cơ hội đầu tư trên thị trường quốc tế, đánh giá rủi ro, tư vấn chiến lược tài chính và hỗ trợ khách hàng hoặc doanh nghiệp tối ưu hóa danh mục đầu tư.

- *Chuyên viên ngân hàng quốc tế*: Làm việc tại các bộ phận như kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế, hỗ trợ giao dịch tài chính và quản lý dòng tiền quốc tế.

- *Chuyên viên kế toán*: Thu thập, ghi chép, phân tích và xử lý các thông tin tài chính của doanh nghiệp.

- *Kiểm toán viên nội bộ*: kiểm tra, đánh giá và giám sát các hoạt động tài chính, quy trình vận hành và hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.

b. Vị trí quản lý cấp trung

- *Trưởng phòng Kinh doanh Quốc tế*: Quản lý đội ngũ kinh doanh, phát triển và mở rộng thị trường quốc tế.

- *Trưởng phòng Xuất nhập khẩu*: Giám sát hoạt động xuất nhập khẩu, đảm bảo tuân thủ các quy định quốc tế và tối ưu hóa quy trình thương mại.

- *Trưởng phòng Logistics*: Chịu trách nhiệm điều phối và quản lý các hoạt động logistics trong doanh nghiệp.

- *Trưởng phòng Marketing Quốc tế*: Xây dựng và triển khai chiến lược tiếp thị quốc tế, quản lý thương hiệu toàn cầu.

- *Trưởng phòng Tài chính Quốc tế*: Quản lý các hoạt động tài chính liên quan đến thương mại quốc tế, phân tích rủi ro tài chính và tối ưu hóa chiến lược tài chính của doanh nghiệp.

c. Vị trí quản lý cấp cao

- *Giám đốc Kinh doanh Quốc tế*: Phụ trách chiến lược kinh doanh toàn cầu, mở rộng thị phần và quan hệ đối tác.

- *Giám đốc Xuất nhập khẩu*: Định hướng chiến lược xuất nhập khẩu, mở rộng quan hệ thương mại với đối tác quốc tế.

- *Giám đốc Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*: Quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng, tối ưu hóa hệ thống vận chuyển và kho bãi.

- *Giám đốc Tài chính Quốc tế (CFO)*: Quản lý tài chính doanh nghiệp ở quy mô toàn cầu, tối ưu hóa chi phí, quản trị rủi ro tài chính và chiến lược đầu tư.

- *Tổng Giám đốc Điều hành (CEO) công ty thương mại quốc tế*: Định hướng và điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

2.4.2. Các vị trí việc làm tại cơ quan nhà nước

- *Chuyên viên thực hiện và phụ trách các công việc về nghiệp vụ thương mại quốc tế và tài chính quốc tế*: Làm việc tại các cơ quan nhà nước có liên quan đến quản lý, đề xuất chính sách về thương mại quốc tế và tài chính quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng thương hiệu và tìm kiếm đối tác quốc tế.

- *Chuyên viên thực hiện và phụ trách các nghiệp vụ Hải quan – Logistics*: Kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu; Xử lý các thủ tục thuế quan và giải quyết tranh chấp thương mại; Đánh giá chính sách và đề xuất các cải tiến trong quy trình xuất nhập khẩu.

- *Chuyên viên thực hiện và phụ trách các công việc về ngoại giao kinh tế*: Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài; Xây dựng các chính sách đối ngoại kinh tế nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế giữa đối tác Việt Nam và các đối tác quốc tế.

2.4.3. Các vị trí việc làm tại các tổ chức quốc tế

- *Chuyên viên thực hiện nghiên cứu kinh tế, hỗ trợ tài chính cho các quốc gia*; Phân tích chính sách thương mại, hỗ trợ đàm phán hiệp định thương mại quốc tế; Quản lý nguồn vốn đầu tư, phân tích tài chính quốc tế.... tại các tổ chức kinh tế tài chính quốc tế như ADB, IMF, IFC

- *Quản lý cấp trung*: Trưởng phòng phân tích tài chính quốc tế; quản lý nguồn vốn đầu tư và dự án tài trợ phát triển kinh tế.

- *Quản lý cấp cao*: Giám đốc điều hành, đàm phán và hoạch định chính sách tài chính quốc gia và khu vực...

2.4.4. Các vị trí việc làm khác

- *Giảng viên ngành Kinh doanh Quốc tế* tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- *Nghiên cứu viên về kinh doanh quốc tế và thương mại quốc tế* tại các cơ sở đào tạo và trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước.

- *Chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế*: Thực hiện phân tích xu hướng thị trường toàn cầu, đánh giá rủi ro thương mại và đề xuất chiến lược phát triển kinh doanh.

- *Tư vấn viên trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế*, chuyên nghiên cứu chính sách thương mại, hiệp định quốc tế và tác động đến hoạt động kinh doanh; Làm việc tại các tổ chức tư vấn, viện nghiên cứu kinh tế, hiệp hội ngành nghề hoặc các tập đoàn lớn

2.5. Về văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập môn học theo định hướng chứng chỉ quốc tế:

2.5.1. Về văn bằng tốt nghiệp.

Người học theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) tại HVTC, sau khi tốt nghiệp có cơ hội nhận được 2 văn bằng; chứng chỉ trong 1 chương trình, gồm:

- Bằng cử nhân chính quy định hướng chứng chỉ quốc tế của HVTC;
- Chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB về Tài chính, Kế toán, Kiểm toán và Kinh doanh của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales ICAEW (The Institute of Chartered Accountants in England and Wales).

2.5.2. Cơ hội và kết quả học tập theo định hướng chứng chỉ quốc tế

- Sau khi hoàn thành các môn học theo định hướng chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB, người học có cơ hội thi lấy chứng chỉ ICAEW CFAB. Chứng chỉ ICAEW CFAB là chứng chỉ quốc tế về tài chính, kế toán, kinh doanh và thuộc TOP 10 chứng chỉ nghề nghiệp mà một chuyên viên kế toán, kiểm toán, tài chính nên theo đuổi.

- Sinh viên có cơ hội được tham quan thực tế doanh nghiệp là đối tác của ICAEW Việt Nam và các đơn vị liên kết giúp kết nối lý thuyết với thực tiễn.

- Có cơ hội thi và nhận danh hiệu ICAEW Chartered Accountant (ICAEW ACA), được giới chuyên nghiệp đánh giá cao nhất tại Anh, Mỹ, Úc, Châu Âu.

- Có cơ hội thi chuyển đổi sang bằng hành nghề Kế toán - Kiểm toán các quốc gia khác (CPA Việt Nam, CPA Canada, ...) hoặc tham gia kỳ thi chuyển đổi để sở hữu chứng chỉ Kiểm toán nội bộ quốc tế, Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro, ... (sau khi lấy được Chứng chỉ ICAEW ACA).

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Kinh doanh quốc tế định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), ngành Kinh doanh quốc tế đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và khả năng ứng dụng thực tiễn nghề nghiệp; có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, tâm lý học để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, tiếng Anh nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và hỗ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán, kiến thức cốt lõi về kinh doanh để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực kinh doanh quốc tế; sử dụng tiếng Anh kinh tế, tiếng Anh chuyên sâu trong kinh doanh quốc tế.

*** Kiến thức ngành và hỗ trợ:**

PLO5: - Hiểu, vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh quốc tế trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/nghiệp vụ cụ thể: tài chính quốc tế, marketing, hải quan, kế toán làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về Kinh doanh quốc tế.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Kinh doanh - Tài chính - Kế toán - Kiểm toán theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để hỗ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Kinh doanh quốc tế; định hướng người học sau khi tốt nghiệp có thể thi chứng chỉ của ICAEW CFAB, trở thành chuyên gia toàn cầu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế, mở rộng cơ hội việc làm và đáp ứng tiêu chuẩn tuyển dụng nhân lực trình độ cao trong điều kiện hội nhập quốc tế.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản của chuyên sâu về kinh doanh quốc tế doanh quốc tế để hiểu rõ về các phương thức tiếp cận thị trường và quản trị các vấn đề liên quan trong kinh doanh quốc tế

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về kinh doanh vốn quốc tế, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản trị kinh doanh quốc tế, khởi sự kinh doanh quốc tế và phân tích dữ liệu kinh doanh quốc tế.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế/Trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp bằng ngôn ngữ Tiếng Anh.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Tiến hành, thực hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết, phối hợp, quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và các lĩnh vực liên quan khác; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Phát triển, dẫn dắt chuyên môn; tự xây dựng, bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Xây dựng, phát triển nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; thiết kế, soạn thảo văn bản chuẩn mực; Giải quyết logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập/nhóm khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Tiến hành khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 4/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh chuyên sâu trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Tên môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41			
A1		Kiến thức chung	30			
		<i>Phần bắt buộc</i>	24			
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45		
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30		
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		
4	VPP0401	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
6	BFL0118Q	Tiếng Anh nâng cao	4	60		
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45		
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30		
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30		
10	ITO0236	Tin học	2	30		
		<i>Phần tự chọn</i>	6			
		<i>Nhóm 1</i>	2			
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		
		<i>Nhóm 2</i>	4			
12	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	30		
13	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30		
14	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30		
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30		
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11			
16.	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165		
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90		
		<i>Phần bắt buộc</i>	1			
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30		
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
		Phân tự chọn	2			
19	AED0351	Bóng rổ	2	60		
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60		
21	AED0353	Bơi	2	60		
22	AED0354	Bóng bàn	2	60		
23	AED0355	Cầu lông	2	60		
24	AED0356	Taekwondo	2	60		
25	AED0357	Golf	2	60		
26	AED0359	Thẻ dực phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online	
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90			
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6			
27	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45		
28	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45		
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24			
29	EFL0012Q	Tiếng Anh kinh tế	3	45		
30	EFL0011Q	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60		
31	APR0125	Nguyên lý kế toán	2	30		
32	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30		
33	DIB1002	Kinh doanh số	3	45		
34	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60		
35	BSB1990	Kinh doanh căn bản	4	60		
36	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30		
B3		Kiến thức ngành	16			
37	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30		
38	ITB1020Q	Kinh doanh quốc tế (International Business)	2	30	Tiếng Anh	
39	NIB0210	Đàm phán hợp đồng kinh doanh quốc tế	2	30		
40	VFA0002	Kế toán tài chính Việt Nam (Vietnamese Financial Accounting)	4	60	Tiếng Anh	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
41	EIF0300	Tài chính quốc tế (International Finance)	2	30	Tiếng Anh	
42	ESM0210	Marketing căn bản (Essentials of Marketing)	2	30	Tiếng Anh	
43	CUS0030	Hải quan	2	30		
B4		Kiến thức chuyên ngành	14			
		<i>Phần bắt buộc</i>	12			
44	ICB1012	Kinh doanh vốn quốc tế	3	45		
45	ITS0121	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ quốc tế	4	60		
46	FTB0011	Kinh doanh ngoại hối	2	30		
47	IBA0980	Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Administration)	3	45	Tiếng Anh	
		<i>Phần tự chọn</i>	2			
48	INE1002	Khởi sự kinh doanh quốc tế (International Entrepreneurship)	2	30	Tiếng Anh	
49	BDA2003	Phân tích dữ liệu kinh doanh quốc tế	2	30		
B5		Kiến thức bổ trợ	20			
		<i>Nhóm 1</i>	2			
50	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15		
51	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15		
52	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15		
53	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15		
54	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15		
		<i>Nhóm 2</i>	18			
55	BSL0002	Luật kinh doanh (Business Law)- ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
56	TAF0103	Thuế căn bản (Tax Fundamentals)- ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
57	BIP2001	Thông tin quản trị kinh doanh và hiệu quả hoạt động (Business Insight and Performance)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
58	AFB0011	Kế toán tài chính cơ bản (Accounting Fundamentals)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
59	SAE0002	Bền vững và Đạo đức nghề nghiệp (Sustainability and Ethics)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
60	ARF0007	Nguyên lý dịch vụ đảm bảo và rủi ro (Assurance and Risk Fundamentals)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
B6		Thực tập tốt nghiệp	10			
61	SPR1501Q	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship) -15.01QT	10	150	Tiếng Anh	
		Thực tập cuối khóa (thực hành)	4	60	Tiếng Anh	
		Luận văn tốt nghiệp	6	90	Tiếng Anh	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131			
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120			

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến

- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn		x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp							x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp).

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Kinh doanh quốc tế định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) phù hợp với ngành Kinh doanh quốc tế; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Kinh doanh quốc tế định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ đại học chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

Vũ Duy Vinh

KT.GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Trương Thị Thủy